



Tạp chí

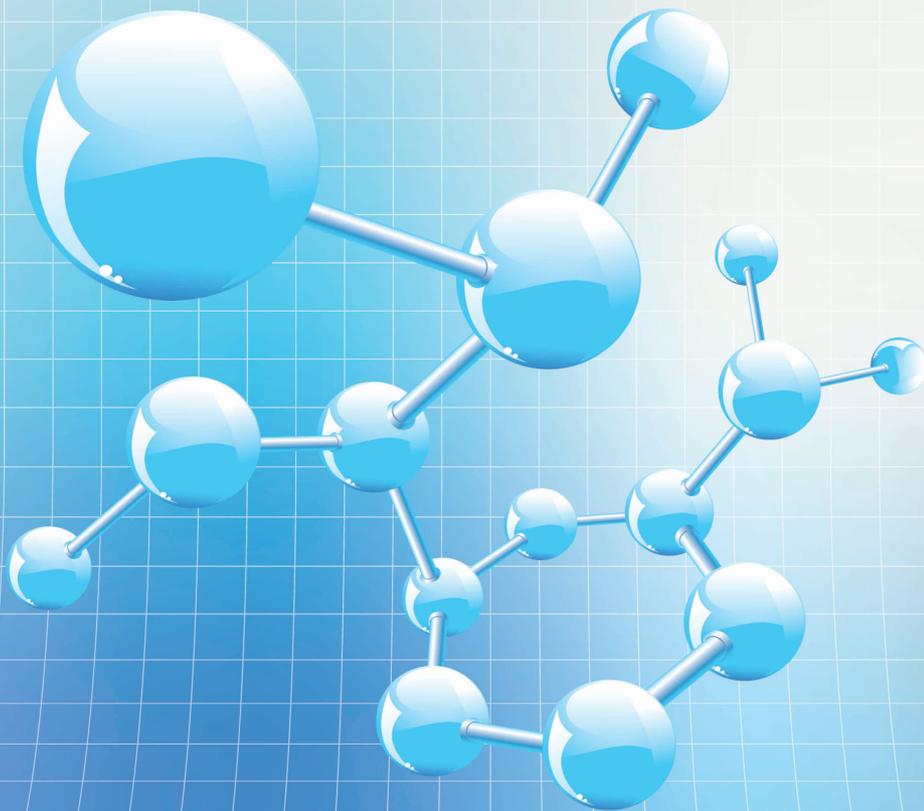
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



Số 4 (92)

2025

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đĩnh

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

■ **Thư ký Tòa soạn**

PGS.TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Văn Liễn

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Nguyễn Đức Toàn

PGS.TS. Lê Thu Quý

GS.TS. Lê Anh Tuấn

GS.TS. Đinh Văn Sơn

PGS.TS. Trương Thị Thủy

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Kháng

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

GS.TS. Yu Ming Zhang

GS.TS. Nguyễn Văn Anh

■ **Ban Biên tập**

TS. Vũ Văn Đông - Trưởng ban

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Phó Trưởng ban

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Assoc.Prof.Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Banh Tien Long

Prof.Dr. Nguyen Duc Toan

Assoc.Prof.Dr. Le Thu Quy

Prof.Dr. Le Anh Tuan

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Truong Thi Thuy

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat

Prof.Dr. Do Quang Khang

Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Pham Hoang Hai

Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha

Prof.Dr. Yu Ming Zhang

Prof.Dr. Nguyen Van Anh

■ **Editorial**

Dr. Vu Van Dong - Head

MSc. Doan Thi Thu Hang - Deputy Head

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/>Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- | | | |
|---|----|--|
| Thiết kế bộ điều khiển có tham số thay đổi | 5 | Nguyễn Thu Hà
Trần Tiến Đức
Nguyễn Đức Quang |
| Ứng dụng phương pháp MPC để bù trễ truyền thông | 11 | Nguyễn Trọng Các |
| Ảnh hưởng của điện mặt trời áp mái nhà tới điện áp lưới điện phân phối | 17 | Nguyễn Đình Thắng
Nguyễn Việt Đức
Nguyễn Đức Thuận
Nguyễn Thị Thu Hương
Phạm Văn Nam
Lê Viết Sơn
Nguyễn Văn Hùng
Nguyễn Đức Minh
Đỗ Văn Đình |
| Ứng dụng mạng neural tích chập kết hợp với bộ điều khiển khả trình PLC để hỗ trợ thực hiện tránh va tự động cho tàu thủy | 26 | Đinh Anh Tuấn
Đoàn Hữu Khánh
Mạc Trung Phúc
Nguyễn Phương Ty |
| Nghiên cứu ứng dụng thị giác máy trong tự động hóa hệ thống rót than cho toa xe tại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) | 32 | Lê Văn Thông
Phương Mạnh Tuấn
Phạm Thị Thu Hương
Phạm Văn Nam
Đỗ Văn Đình |

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- | | | |
|--|----|---|
| Mô phỏng ứng suất, chuyển vị, biến dạng và hệ số an toàn trong lắp ghép mặt bích ống chịu tải trọng phức hợp | 39 | Vũ Hoa Kỳ |
| Nghiên cứu ứng dụng ngôn ngữ lập trình Python tối ưu hóa chế độ cắt khi tiện CNC thép không gỉ AL-6XN | 45 | Mạc Thị Nguyên
Nguyễn Thị Thảo
Đào Văn Kiên |
| Phân tích đa vật lý về Điện - Nhiệt - Cơ của Vi kết nối | 52 | Mạc Văn Giang |

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- Nghiên cứu tối ưu hóa tấm phẳng hợp kim nhôm 6061-T6 theo hai phương pháp hình dạng và cấu trúc 58 Nguyễn Văn Hình
- Mô phỏng và phân tích ứng suất, biến dạng trên dao phay carbide K10 khi phay mặt bên thép SKD61 theo hai sơ đồ tiếp xúc 65 Mạc Thị Nguyên
Mạc Văn Giang

NGÀNH KINH TẾ

- Giải pháp thúc đẩy phát triển sản phẩm dịch vụ trong thời kỳ chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay 72 Ngô Thị Luyện
- Chi phí logistics và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam 78 Nguyễn Minh Tuấn
- Tiến tới Net Zero -Thực trạng phát triển thị trường Các-bon tại Việt Nam 84 Lương Thị Hoa
Nguyễn Thị Thủy
- Truyền thông số trong Marketing du lịch địa phương: Trường hợp khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, Thành phố Hải Phòng 90 Vũ Thị Hương
- Chính sách thuế dưới giác độ cảm nhận của hộ kinh doanh 96 Phạm Thị Hồng Hoa

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

- Ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy học phần tư tưởng Hồ Chí Minh ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay 104 Nguyễn Thị Hải Hà
- Lý luận năng suất lao động của Mác-Lênin và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số ngày nay 109 Vũ Văn Đông
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay 114 Đặng Thị Dung
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay 120 Vũ Văn Đông
Trần Thị Hồng Nhung
- Phát triển nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số thông qua mô hình hợp tác đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp - Hướng đi mới cho quản lý giáo dục và nâng cao chất lượng lao động 125 Đỗ Thị Thùy

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- | | | |
|--|----|--|
| Design of a variable parameter controller | 5 | Nguyen Thu Ha
Tran Tien Duc
Nguyen Duc Quang |
| Application of Model predictive control for communication delay compensation | 11 | Nguyen Trong Cac |
| Effects of rooftop photovoltaic systems on distribution grid voltage | 17 | Nguyen Dinh Thang
Nguyen Viet Duc
Nguyen Duc Thuan
Nguyen Thi Thu Huong
Pham Van Nam
Le Viet Son
Nguyen Van Hung
Nguyen Duc Minh
Do Van Dinh |
| Application of convolutional neural network (CNN) combined with programmable logic controller (PLC) to support automatic collision avoidance for ships | 26 | Dinh Anh Tuan
Doan Huu Khanh
Mac Trung Phuc
Nguyen Phuong Ty |
| A Study on the application of Machine vision in automating coal loading Systems for Railcars at Vietnam National Coal and Mineral Industries Group (TKV) | 32 | Le Van Thong
Phuong Manh Tuan
Pham Thi Thu Huong
Pham Van Nam
Do Van Dinh |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- | | | |
|---|----|---|
| Stress, displacement, strain and safety factor simulation in flange pipe assembly under complex loading | 39 | Vu Hoa Ky |
| Python based optimization of cutting parameters in CNC turning of AL-6XN stainless steel | 45 | Mac Thi Nguyen
Nguyen Thi Thao
Dao Van Kien |
| Multiphysics Analysis of Electro - Thermo - Mechanical Interactions in Micro - Interconnects | 52 | Mac Van Giang |

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- Research on optimizing 6061-T6 aluminum alloy flat plate using two methods shape and structure 58 Nguyen Van Hinh
- Simulation and analysis of stress and strain on carbide K10 end mills for SKD61 steel side milling under two contact schemes 65 Mac Thi Nguyen
Mac Van Giang

TITLE FOR ECONOMICS

- Solutions to promote service products development in the current digital transformation period in Vietnam 72 Ngo Thi Luyen
- Logistics costs and competitiveness of Vietnamese enterprises 78 Nguyen Minh Tuan
- Toward Net Zero - The current development of the Carbon market in Vietnam 84 Luong Thi Hoa
Nguyen Thi Thuy
- Digital communication in Local Tourism Marketing: The Case of the Con Son - Kiep Bac Historical Site, Hai Phong City 90 Vu Thi Huong
- Tax policy from the perspective of business households 96 Pham Thi Hong Hoa

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

- The application of digital transformation in teaching the subject of Ho Chi Minh's thought at Sao Do University today 104 Nguyen Thi Hai Ha
- The theory of labor productivity of Marx-Lenin and the viewpoint of the Communist Party of Vietnam in the context of today's digital transformation 109 Vu Van Dong
- Ho Chi Minh's thoughts on building a team of teachers and its application by the Communist Party of Vietnam in the current period of industrialization and modernization 114 Dang Thi Dung
- Ho Chi Minh's thought on the socialist rule of law state and its application by the Communist Party of Vietnam today 120 Vu Van Dong
Tran Thi Hong Nhung
- Developing human resources in the digital era through a training cooperation model between schools and businesses - A new direction for educational management and improving labor quality 125 Do Thi Thuy

Lý luận năng suất lao động của Mác-Lênin và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số ngày nay

The theory of labor productivity of Marx-Lenin and the viewpoint of the Communist Party of Vietnam in the context of today's digital transformation

Vũ Văn Đông

Tác giả liên hệ: duydongvu82@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 05/7/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 07/10/2025

Ngày chấp nhận đăng: 26/11/2025

Tóm tắt

Năng suất lao động (NSLĐ) là phạm trù cơ bản trong kinh tế chính trị Mác-Lênin (KTCT M-L), thể hiện trình độ của sản xuất và năng lực sáng tạo trong lao động của loài người. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), đáng chú ý trong chuyển đổi số, việc nâng cao NSLĐ trở thành thành tố chủ chốt trong nền kinh tế. Trong bài này tác giả phân tích lý luận về NSLĐ của KTCT M-L, làm rõ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc vận dụng cải thiện NSLĐ trong thời kỳ mới, gắn với thúc đẩy bền vững trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Năng suất lao động; Mác-Lênin; chuyển đổi số; thúc đẩy nền kinh tế.

Abstract

Labor productivity (LP) is a basic category in Marxist-Leninist political economy (M-L political economy), reflecting the level of production and creative capacity in human labor. In the context of global integration and the fourth industrial revolution (Industry 4.0), particularly in digital transformation, advanced labor productivity has become a key element in the economy. In this article, the author analyzes the reasoning about labor productivity from the perspective of Marxist-Leninist economic theory, clarifying the viewpoint of the Communist Party of Vietnam in applying improvements in labor productivity in the new era, linked to promoting sustainability in the digital age.

Keywords: Labor productivity; Marxism-Leninism; digital transformation; boost the economy.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năng suất lao động - một trong những tiêu chí cốt lõi của nền kinh tế, phản ánh hiệu quả sử dụng các thành tố đầu vào trong quá trình sản xuất. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu sâu rộng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, NSLĐ trở thành thước đo năng lực cạnh tranh và thứ hạng của một quốc gia. Việt Nam đã và đang vươn mình trong kỷ nguyên số, việc cải thiện NSLĐ là yêu cầu mang tính cấp bách để đạt được đích tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững (PTBV), thoát khỏi bẫy thu nhập và từng bước hiện thực hóa xây dựng đất nước thành nước phát triển vào năm 2045.

Chủ nghĩa Mác-Lênin đã đề cập và phân tích sâu sắc vấn đề NSLĐ như một quy luật khách quan. Theo đó, NSLĐ phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, là cơ sở vật chất để thay đổi quan hệ sản xuất. Những luận điểm này đến nay vẫn giữ nguyên giá trị, đáng chú ý giữa bối cảnh chuyển đổi số, nơi công

nghệ, dữ liệu và tri thức trở thành thành tố trung tâm của tăng trưởng.

Việc nghiên cứu lý luận NSLĐ theo KTCT Mác - Lênin và quan điểm của Đảng ta trong vận dụng vào chiến lược phát triển quốc gia nhằm cải thiện NSLĐ trong kỷ nguyên chuyển đổi số ngày nay là rất thiết yếu.

2. LÝ LUẬN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

2.1. Định nghĩa năng suất lao động

Lý luận về NSLĐ của Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Trong hệ thống lý luận nền kinh tế của Chủ nghĩa Mác-Lênin, NSLĐ là một phạm trù cơ bản phản ánh trình độ của lực lượng sản xuất và hiệu quả lao động trong xã hội. C.Mác định nghĩa NSLĐ là “*khả năng tạo ra sản phẩm trong một đơn vị thời gian nhất định*”, song song Ông nhấn mạnh: “*Năng suất lao động được đo bằng lượng sản phẩm làm ra trong một thời gian nhất định, hoặc bằng thời gian cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm nhất định*”. Ông cũng khẳng định: “*Năng suất lao động, trong bất kỳ ngành sản xuất nào, đều do một loạt yếu tố quyết định, trong đó quan trọng nhất*

Người phản biện: 1. TS. Phạm Văn Dự

2. PGS.TS. Nguyễn Đức Chiện

là trình độ phát triển của khoa học và kỹ thuật, việc sử dụng chúng trong sản xuất” [1, tr.175].

C.Mác cũng khẳng định NSLĐ quyết định đến tỷ lệ giá trị của sản phẩm hàng hóa: *“mức năng suất lao động là nhân tố quyết định tỷ lệ giá trị, nhưng không quyết định giá trị”*. [1, tr.76].

Theo C.Mác, NSLĐ phụ thuộc các thành tố như: Tiến bộ của công cụ sản xuất, trình độ khoa học, kỹ thuật, tổ chức lao động hợp lý, mức độ thúc đẩy của tri thức, văn hóa nhân loại, cũng như thể lực và kỹ năng sản xuất của lao động. Trong đó, công cụ sản xuất và tri thức đóng tầm quan trọng quyết định. Ông viết: *“Năng suất lao động không chỉ phụ thuộc vào kỹ năng của người lao động, mà còn phụ thuộc vào sự phát triển xã hội nói chung, vào những kinh nghiệm tích lũy, vào sự hợp tác xã hội trong sản xuất và quy mô cũng như hiệu quả của tư liệu sản xuất”* [1, tr.138].

Kế thừa lý luận về NSLĐ của C.Mác, V.I.Lênin đã bổ sung lý luận về NSLĐ trong điều kiện mới khi ông khẳng định: *“Năng suất lao động là yếu tố quan trọng nhất quyết định thắng lợi của chế độ xã hội mới”* [2, tr.137].

Đáng chú ý, lý luận KTCT M-L không chỉ xem NSLĐ là chỉ tiêu của nền kinh tế, mà còn là biểu hiện cụ thể của mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, phản ánh tính cách mạng hóa và sự vận động của hình thái kinh tế-xã hội.

Quan điểm trong nền kinh tế học hiện đại

Trong bối cảnh ngày nay, lý luận về NSLĐ của KTCT M-L vẫn còn giữ nguyên giá trị, đáng chú ý khi tri thức và kỹ thuật công nghệ trở thành thành tố trung tâm trong nền kinh tế số.

Theo ILO, NSLĐ là chỉ số thể hiện hiệu quả sử dụng lao động trong tiến trình sản xuất, được thông qua trên số liệu tỷ lệ của tổng sản lượng đầu ra và tổng lượng lao động đầu vào trong một khoảng thời gian nhất định. NSLĐ được đo lường bằng: *“tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chia cho tổng số giờ làm việc của toàn bộ lực lượng lao động”* [3]. Chỉ tiêu này thể hiện mức độ cống hiến của người lao động vào tăng trưởng của nền kinh tế, song song phản ánh trình độ của lực lượng sản xuất, kỹ thuật công nghệ và cơ cấu ngành nghề của một đất nước.

Theo quan điểm từ World Bank, NSLĐ là *“chỉ số then chốt đánh giá năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong dài hạn”* [3]. Cùng với đó, Krugman (1994) cho rằng: *“Năng suất không phải là tất cả, nhưng về lâu dài, nó gần như là tất cả. Năng suất tăng là điều kiện cần để nâng cao mức sống”*.

Ở góc độ nền kinh tế học hiện đại, NSLĐ không chỉ bị chi phối bởi kỹ năng lao động của nguồn nhân lực, mà còn bởi vốn con người, trình độ khoa học công nghệ, năng lực tổ chức quản lý và hiệu năng của thể chế. Điều này là cốt lõi giữa bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, khi tri thức và công nghệ trở thành nguồn lực sản xuất hàng đầu.

2.2. Các nhân tố tác động đến năng suất lao động

Theo lý thuyết của KTCT M-L, NSLĐ thể hiện khả năng tạo ra số lượng sản phẩm lao động của một cá nhân trong một đơn vị thời gian, song song là đại diện cụ thể của lực lượng lao động sản xuất trong một giai đoạn lịch sử nhất định. C.Mác và V.I.Lênin đã phân tích chỉ rõ các nhân tố tác động đến NSLĐ. Cụ thể:

Thứ nhất, công cụ sản xuất và khoa học kỹ thuật. Theo C.Mác, công cụ sản xuất là *“chỉ số đo lường năng lực lao động của con người”*. Mức độ thúc đẩy của công cụ lao động là thành tố hàng đầu tác động đến NSLĐ. Ông viết: *“Trình độ phát triển của năng suất lao động... biểu hiện ra trước hết ở sự phát triển của công cụ lao động”* [1, tr.138].

Càng sử dụng công cụ tiên tiến, hiệu quả lao động càng tăng. Điều này là cơ sở cho luận điểm hiện đại rằng đầu tư vào khoa học công nghệ là tiền đề để cải thiện NSLĐ.

Thứ hai, trình độ thành thực, kỹ năng của nguồn nhân lực. C.Mác nhấn mạnh rằng: *“Năng suất lao động của người lao động còn phụ thuộc vào sự thành thạo, kinh nghiệm và tinh thần của người lao động”* [1, tr.139].

Như vậy, kỹ năng và trình độ đào tạo một mặt không những quyết định tốc độ, độ chính xác của lao động mà còn quyết định đến năng lực thích nghi với công nghệ mới.

Thứ ba, tổ chức lao động và mức độ hợp tác sản xuất xã hội. Mức độ tổ chức khoa học trong quá trình lao động có ảnh hưởng rõ rệt đến NSLĐ. C.Mác khẳng định: *“Hợp tác đơn thuần đã làm cho lực lượng sản xuất của cá nhân nhân lên gấp bội”* [1, tr.307].

Theo C.Mác, sự công tác của từng cá nhân cụ thể tại một hệ thống sản xuất hợp lý giúp nâng hiệu lực làm việc, giảm thiểu hao phí và sử dụng hiệu năng thời gian lao động.

Thứ tư, phân chia lao động vào các ngành nghề cụ thể và tính chuyên môn hóa. Phân chia lao động vào các ngành nghề cụ thể đóng tầm quan trọng cốt lõi trong việc gia tăng NSLĐ. C.Mác viết: *“Tính chuyên môn hóa giúp người lao động làm quen với công việc một cách thành thạo hơn, giảm thời gian chuyển đổi, từ đó tăng năng suất”* [1, tr.148].

Thứ năm, điều kiện tự nhiên-đời sống xã hội. Cả C.Mác cũng như V.I.Lênin đều khẳng định điều kiện khách quan tác động đến lao động. Điều kiện tự nhiên, cũng như môi trường đời sống xã hội,... đều có tác động đến hiệu năng NSLĐ. V.I.Lênin viết: *“Năng suất lao động không thể tách rời điều kiện xã hội và thể chế quản lý sản xuất. Một chế độ xã hội tiến bộ sẽ khơi dậy mọi tiềm năng trong quần chúng lao động”* [2, tr.137].

Như vậy, lý thuyết của KTCT M-L nhìn nhận NSLĐ một mặt từ góc độ kỹ thuật mà còn đặt trong mối liên hệ tổng hòa giữa người lao động với các yếu tố công cụ, tổ chức sản xuất và đời sống xã hội. Lý thuyết của

KTCT M-L đến nay vẫn còn nguyên giá trị, đáng chú ý giữa bối cảnh thúc đẩy công nghệ và chuyển đổi số.

2.3. Năng suất lao động trong quan hệ sản xuất

Chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ nghiên cứu NSLĐ như yếu tố hay một phạm trù kinh tế, mà nó đặt trong mối liên hệ biện chứng khách quan với quan hệ sản xuất và toàn bộ kết cấu của phương thức sản xuất. Do đó, NSLĐ là thành tố biểu hiện trực tiếp sự thúc đẩy của lực lượng sản xuất, một trong hai mặt của phương thức sản xuất, có mối quan hệ mật thiết và thường xuyên với quan hệ sản xuất.

C.Mác viết: “Trong bất cứ thời đại xã hội nào, năng suất lao động đều phụ thuộc vào sự phát triển của lực lượng sản xuất và hình thái xã hội trong đó sự sản xuất diễn ra” [1, tr.238].

Điều này theo C.Mác NSLĐ không những không tồn tại tách biệt, mà nó còn phản ánh sự liên hệ giữa con người với công cụ sản xuất và cơ cấu tổ chức lao động. Khi lực lượng sản xuất, trong đó có NSLĐ là tiêu chí cốt lõi thúc đẩy đến một mức độ nhất định, quan hệ sản xuất cũ trở thành lực cản và cần được thay đổi để phù hợp. Đây chính là quy luật “quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất” một luận điểm trung tâm của lý thuyết của KTCT M-L. Trong “Góp phần phê phán Cương lĩnh Gotha” Ông viết: “Tới một giai đoạn nào đó trong sự phát triển của lực lượng sản xuất vật chất, chúng xung đột với quan hệ sản xuất hiện có... khi đó bắt đầu một thời đại cách mạng xã hội” [4, tr.13].

Trong lý thuyết của Kinh tế chính trị Mác - Lênin, việc cải thiện NSLĐ được xem là một mục tiêu trọng tâm nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất, qua đó cũng có hạ tầng vật chất - kỹ thuật của chế độ mới. V.I.Lênin từng khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội không thể thắng nếu không làm cho năng suất lao động xã hội cao hơn Chủ nghĩa tư bản” [5, tr.290].

Hơn nữa, trong xã hội XHCN, việc cải tiến quan hệ sản xuất, thông qua đổi mới cách thức quản lý, quan hệ phân chia theo lao động, thúc đẩy quá trình cải tiến kỹ thuật cũng là thành tố để giải phóng và thúc đẩy NSLĐ. Bởi lẽ, nếu quan hệ sản xuất không được cải thiện nó sẽ “trói buộc” sức lao động và kìm hãm sản xuất phát triển. V.I.Lênin viết: “Chúng ta phải có những quan hệ sản xuất mới phù hợp, để cho chúng phục vụ, chứ không phải cản trở sự phát triển của năng suất lao động” [2, tr.142].

Lý thuyết của KTCT M-L về NSLĐ trong quan hệ sản xuất thể hiện tính biện chứng và cách mạng. NSLĐ không chỉ là chỉ số hiệu năng của sản xuất mà còn là bộc lộ mâu thuẫn và sự phát triển trong toàn bộ phương thức sản xuất. Việc cải thiện NSLĐ không thể tách rời với sự thúc đẩy của quan hệ sản xuất trong sự liên hệ biện chứng với cấp độ của lực lượng sản xuất trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

3. MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA CHUYỂN ĐỔI SỐ VỚI NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ QUAN ĐIỂM VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

3.1. Mối quan hệ biện chứng giữa chuyển đổi số với năng suất lao động

Quan niệm về chuyển đổi số.

Chuyển đổi số là quá trình làm biến đổi một cách cơ bản cách thức tổ chức quản trị và sản xuất của doanh nghiệp và tổ chức, đơn vị Nhà nước với việc tích hợp công nghệ số vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đây không chỉ là vận dụng công nghệ, mà là còn làm chuyển đổi có tính chiến lược, lấy dữ liệu và công nghệ làm nền tảng, nhằm cải thiện hiệu quả, năng suất, chất lượng hoạt động và đưa ra hình thức thúc đẩy mới.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta cũng đã khẳng định: “Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và là động lực quan trọng để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế” [6, tr.112].

Như vậy, Đảng ta đã chỉ rõ chuyển đổi số phải gắn với thúc đẩy nền kinh tế, đời sống xã hội và chính phủ số, trong đó con người là chủ thể và là trung tâm cũng như đích hướng tới được hưởng lợi. Đây là hướng đi cốt lõi để Việt Nam đột phá về thể chế, cải thiện năng suất và thúc đẩy bền vững tong thời điểm hiện nay.

Liên hệ của chuyển đổi số đối với cải thiện NSLĐ.

Thứ nhất, chuyển đổi số đưa đến nâng cao hiệu quả tự động hóa, hạ giá trị lao động cá biệt, tăng hiệu suất, giảm sai sót.

Thứ hai, chuyển đổi số sẽ nâng hiệu năng quản lý dữ liệu nhờ hệ thống dữ liệu lớn.

Thứ ba, chuyển đổi số góp phần cải thiện trình độ lao động và làm việc trực tuyến, giảm thời gian, tăng cơ hội tiếp cận tri thức.

Thứ tư, chuyển đổi số góp phần mở rộng thị trường, cải thiện hiệu năng cạnh tranh bằng hệ thống thương mại điện tử, nền tảng số.

Từ số liệu của Tổng cục Thống kê, giai đoạn 2020 - 2024, NSLĐ của nước ta tăng bình quân 4,7-4,8%/năm, trong đó đóng góp từ công nghệ và chuyển đổi số thường khoảng từ 0,4 tới 1,2 điểm phần trăm, tương đương chiếm khoảng 8-12% tổng mức tăng của NSLĐ.

3.2. Quan điểm của Đảng về cải thiện năng suất lao động trong giai đoạn hiện nay

Năng suất lao động là động lực then chốt đưa đến hiệu năng phát triển nhanh và PTBV, cải tiến hiệu năng cạnh tranh và thúc đẩy đời sống của nhân dân. Do đó, trong các văn kiện của Đảng vừa qua, đáng chú ý từ Đại hội XII và XIII, Đảng ta đã đưa ra và nhất quán đường lối và các định hướng chiến lược nhằm cải thiện NSLĐ giữa bối cảnh hợp tác mạnh mẽ và chuyển đổi số hiện nay.

Tư duy tại Đại hội XII (2016)

Văn kiện XII của Đảng đã khẳng định việc thay đổi tăng trưởng theo mô hình gắn với cải thiện hiệu năng của hiệu quả đầu ra thay vì tăng trưởng theo chiều rộng dựa vào lợi thế đầu vào và lao động giá rẻ. Văn kiện nêu rõ: “*Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế... là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới*” [7, tr.144].

Chủ trương này đã cho thấy một bước chuyển mạnh mẽ trong tư duy thúc đẩy cải thiện NSLĐ dựa trên thành tố kỹ thuật công nghệ, đổi mới sáng tạo và trình độ nguồn nhân lực.

Tư duy chiến lược tại Đại hội XIII (2021)

Kế thừa và bổ sung quan điểm tại Đại hội XII, tại Đại hội lần thứ XIII Đảng ta nêu rõ: “*Nâng cao năng suất lao động là yếu tố quyết định để tăng trưởng nhanh và bền vững*” [6, tr.112].

Tại Đại hội lần thứ XIII đã nhấn mạnh tầm ảnh hưởng vô cùng lớn của chuyển đổi số, của khoa học và công nghệ cũng như nền kinh tế số trong cải thiện NSLĐ. Trong Chiến lược thúc đẩy nền kinh tế, đời sống xã hội 10 năm (2021-2030), đã chỉ ra đích hướng tới: “*Tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là trong doanh nghiệp; phát triển mạnh kinh tế số đạt khoảng 20% GDP vào năm 2025 và 30% vào năm 2030*” [8, tr.103-104].

Sự gắn kết giữa đích hướng tới cải thiện NSLĐ với chiến lược chuyển đổi số thể hiện tư duy hiện đại, hướng tới thúc đẩy bền vững, thích hợp cùng xu hướng vận động của cuộc CMCN 4.0.

Để hiện thực hóa mục tiêu đã đề ra, Đảng ta đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, đặc biệt được cụ thể hóa trong Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, ban hành ngày 22/12/2024, tập trung vào đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71-NQ/TW ban hành ngày 22/8/2025 về định hướng đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2035, tầm nhìn 2045, có thể khái quát tập trung một số giải pháp như:

Thứ nhất, thúc đẩy nâng cao chất lượng lực lượng lao động.

Đảng ta xác định: “*Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo; phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo*” [6, tr.46].

Thứ hai, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

Đầu tư thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ được xem là “*động lực chủ yếu để tăng NSLĐ và năng lực cạnh tranh*”. Điều này có ý

nghĩa rất quan trọng trong hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Thứ ba, cải thiện, nâng cao hiệu năng quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực kinh tế ngoài Nhà nước.

Đảng ta nhấn mạnh: “*Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; khuyến khích hình thành các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ cao*” [6, tr.117].

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện.

Việc đẩy mạnh chuyển đổi số dựa trên ba trụ cột: Chính phủ số; nền kinh tế số và xã hội số không những đã góp phần làm thay đổi cách thức quản trị mà còn tạo động lực lớn lao cho công cuộc cải tiến quy trình, tối ưu nguồn lực và gia tăng hiệu quả lao động.

Nhờ sự chỉ đạo đúng đắn và kịp thời của Đảng ta, trong giai đoạn 2021-2023, NSLĐ của nước ta đã tăng đáng kể từ 4,7- 4,8%/năm. Tuy chưa đạt đích hướng tới 6,5% như kỳ vọng, nhưng cũng đã phản ánh xu hướng chủ động trong giai đoạn phát triển. Đáng nhấn mạnh, tỷ lệ tham gia của công nghệ khoa học cũng như chuyển đổi số tới chỉ số hiệu năng NSLĐ ngày càng chiếm tỷ số lớn hơn, chiếm từ 10-20% tổng tăng trưởng NSLĐ hằng năm [9].

Bên cạnh đó, nước ta còn đang tồn tại nhiều thách thức như: trình độ lao động chưa đồng đều, số lượng đầu tư cho R&D không cao, hiệu năng và mức độ áp dụng công nghệ trong doanh nghiệp còn hữu hạn và thể chế nền kinh tế số còn đang hoàn thiện.

Trong lãnh đạo đưa đất nước bước vào giai đoạn đổi mới, nhất là từ Đại hội XII đến nay của Đảng đã cho thấy sự chuyển đổi trong đổi mới tư duy khoa học về cải thiện NSLĐ gắn với sự thúc đẩy của công nghệ, khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Điều này thể hiện những quyết tâm thay đổi, đưa dân tộc ta vào giai đoạn phát triển nhanh, PTBV, đưa con người trở thành trung tâm của quá trình phát triển. Tuy nhiên, trong giai đoạn tới, để đạt được đích hướng tới đã đề ra, Đảng ta cần đẩy mạnh tăng cường đồng bộ thể chế, thúc đẩy nâng cao tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, đổi mới hiệu năng quản trị công và đẩy mạnh ứng dụng nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ số trong quá trình phát triển và ứng dụng trong toàn bộ đời sống xã hội của đất nước trong kỷ nguyên chuyển mình của dân tộc.

4. KẾT LUẬN

Năng suất lao động là một trọng số trọng tâm trong nền kinh tế cốt lõi thể hiện trình độ của lực lượng sản xuất, hiệu quả sử dụng nguồn lực lao động và năng lực cạnh tranh của lao động trong nền kinh tế. Dưới góc nhìn của KTCT M - L, NSLĐ không những là thành phần kỹ thuật, mà còn phản ánh trình độ thúc đẩy của một xã hội trong giai đoạn lịch sử nhất định, gắn với những mối liên hệ khách quan của lực lượng

sản xuất và quan hệ sản xuất. KTCT M - L nhấn mạnh vị trí trọng tâm của NSLĐ trong việc thúc đẩy cải thiện đời sống người dân. Cải thiện NSLĐ không phải vì mục đích hướng tới là hiệu năng của nền kinh tế nói chung, mà còn là tất yếu khách quan của cách mạng hóa quan hệ sản xuất, tiến tới xây dựng một đời sống xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Quá trình đổi mới tư duy về NSLĐ trên cơ sở kế thừa lý luận KTCT Mác - Lênin, Đảng ta đã đưa ra chủ trương và giải pháp chiến lược để cải thiện NSLĐ, đáng chú ý giữa chúng ta đang ngày càng có vị thế cao trên trường quốc tế, sự bùng nổ của cuộc CMCN 4.0 và chuyển đổi số như ngày nay. Từ Đại hội XII đến nay, Đảng ta đã xác định NSLĐ là nhân tố quyết định đến đích hướng tới phát triển nhanh và PTBV, là đích hướng tới trọng tâm của mô hình thúc đẩy. đáng chú ý, Đảng ta nhấn mạnh việc cải thiện NSLĐ phải luôn gắn liền với thúc đẩy công nghệ, khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Để hiện thực hóa mục tiêu đã đề ra tại Đại hội XIII, chúng ta cần nâng cao hiệu năng và đẩy mạnh đổi mới mạnh mẽ thể chế, cải thiện chất lượng đào tạo, khuyến khích đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số toàn diện.

AUTHOR INFORMATION

Vu Van Dong

Corresponding Author: duydongvu82@gmail.com

Sao Do University.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. C.Mác (1995), *Tư bản*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [2]. V.I.Lênin (1985), *Toàn tập*, Tập 44, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3]. ILO (2018), *Measuring Productivity-OECD manual. International Labour Organization.*
- [4]. C.Mác-Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 19, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [5]. V.I.Lênin (1985), *Toàn tập*, Tập 39, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập II, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9]. World Bank (2023), *Vietnam Productivity Report.*

THẺ LỆ GỬI BÀI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, Số 4 (92) 2025



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- Số 1: Số 76, đường Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, quốc lộ 37, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: (0220) 3882 269 Fax: (0220) 3882 921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 4 (92)

2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ

Số 76, đường Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.